VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/2019/TT-BGTVT *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện; chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Điều 3. Áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo hai hình thức: bảo trì theo chất lượng thực hiện và bảo trì theo khối lượng thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

2. Hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện được áp dụng cho các công việc kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME khi đáp ứng đồng thời các quy định sau:

a) Hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME được đầu tư xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn khai thác của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO);

b) Hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME được đảm bảo kinh phí thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật;

c) Hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mức giá khoán cho các công việc kiểm tra, bảo dưỡng.

3. Trừ các tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện khi đáp ứng đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều này, các tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng thực tế.

4. Cục Hàng không Việt Nam quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc theo khối lượng thực tế. Khi lựa chọn áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện cho các công việc kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME thì thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 4. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện bao gồm:

1. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tiêu chí giám sát công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tiêu chí nghiệm thu kết quả công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Chế độ bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Kiểm tra tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Việc kiểm tra có thể bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng;

b) Kiểm tra bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của tài sản làm cơ sở cho việc bảo trì tài sản.

2. Bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được phê duyệt.

3. Sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Sửa chữa là các hoạt động khắc phục hư hỏng của tài sản được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của tài sản;

b) Sửa chữa bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Kiểm định tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Kiểm định là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của tài sản thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích;

b) Kiểm định được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Quan trắc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Quan trắc là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển vị và các thông số kỹ thuật khác của tài sản và môi trường xung quanh theo thời gian;

b) Yêu cầu và danh mục tài sản bắt buộc quan trắc quy định tại Điều 6 Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 6. Quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Nội dung quy trình bảo trì quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Quy trình bảo trì do các nhà thầu lập và bàn giao cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không chưa có quy trình bảo trì thì cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2020.

2. Quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản mới đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

Phụ lục 1

Yêu cầu đối với công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 56 /2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải)

1. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện: kiểm tra việc thực hiện các công việc theo quy trình bảo trì hệ thống đèn hiệu hàng không được phê duyệt:

a) Kiểm tra về điện, điện tử hệ thống đèn hiệu hàng không;

b) Kiểm tra về kết cấu cơ khí, xây dựng hệ thống đèn hiệu hàng không;

c) Kiểm tra về quang học đối với hệ thống đèn hiệu hàng không;

d) Kiểm tra khả năng làm việc của thiết bị hệ thống đèn hiệu hàng không: kiểm tra các thông số, trạng thái hoạt động;

đ) Kiểm tra đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa chống sét tại các phòng máy điều dòng và khu vực làm việc;

e) Kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy điều dòng và khu vực làm việc: tình trạng vệ sinh, tình trạng hoạt động của máy điều hòa, máy hút ẩm, tình trạng hoạt động của đèn chiếu sáng;

g) Kiểm tra đảm bảo nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

h) Kiểm tra việc ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các kết quả kiểm tra đảm bảo kịp thời có các báo cáo đánh giá, kiến nghị, yêu cầu công tác bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế (nếu có) đối với các hạng mục đã được kiểm tra.

2. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện: kiểm tra việc thực hiện các công việc theo quy trình bảo trì hệ thống ILS/DME được phê duyệt:

a) Kiểm tra về điện, điện tử hệ thống ILS/DME;

b) Kiểm tra về kết cấu cơ khí, xây dựng hệ thống ILS/DME;

c) Kiểm tra bề mặt mặt phản xạ ăng-ten GP, LLZ;

d) Kiểm tra tình trạng can nhiễu của bề mặt phản xạ do cây cỏ mọc quá cao, ngập nước…;

đ) Kiểm tra khả năng làm việc của thiết bị hệ thống ILS/DME: kiểm tra các thông số, trạng thái hoạt động hệ thống đèn báo trên mặt máy, hệ thống giám sát và điều khiển từ xa;

e) Kiểm tra việc đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa chống sét;

g) Kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy và khu làm việc;

h) Kiểm tra đảm bảo nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

i) Kiểm tra việc ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các kết quả kiểm tra đảm bảo kịp thời có các báo cáo đánh giá, kiến nghị, yêu cầu công tác bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế (nếu có) đối với các hạng mục đã được kiểm tra.

3. Yêu cầu đối với công tác bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện: đảm bảo thực hiện đầy đủ các công tác bảo dưỡng theo quy trình bảo trì được phê duyệt:

a) Bảo dưỡng hệ thống nguồn điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

b) Bảo dưỡng hệ thống điều dòng;

c) Bảo dưỡng hệ thống tủ điều khiển;

d) Bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không;

đ) Bảo dưỡng kết cấu cơ khí, xây dựng:

e) Bảo dưỡng hệ thống tiếp đất, chống sét;

g) Bảo dưỡng hệ thống điều hòa, máy hút ẩm trong phòng máy;

h) Đảm bảo thực hiện ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các công tác bảo dưỡng.

4. Yêu cầu đối với công tác bảo dưỡng hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện: đảm bảo thực hiện đầy đủ các công tác bảo dưỡng theo quy trình bảo trì được phê duyệt:

a) Bảo dưỡng hệ thống nguồn điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

b) Bảo dưỡng hệ thống ILS/DME;

c) Bảo dưỡng hệ thống tiếp đất, chống sét;

d) Bảo dưỡng hệ thống điều hòa, máy hút ẩm trong phòng máy;

đ) Bảo dưỡng bề mặt mặt phản xạ ăng-ten GP, LLZ;

e) Đảm bảo thực hiện ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu các công tác bảo dưỡng.

Phụ lục 2

Tiêu chí giám sát công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải)

1. Tiêu chí giám sát công tác kiểm tra hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác kiểm tra:

Kiểm tra tổng thể tình trạng kỹ thuật toàn bộ thiết bị của hệ thống đèn hiệu hàng không;

Kiểm tra về điện, điện tử hệ thống đèn hiệu hàng không: điện áp, tình trạng dây dẫn điện, dây tiếp địa, lớp cách điện, nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng), phần điều khiển…;

Kiểm tra về kết cấu cơ khí, xây dựng đối với hệ thống đèn hiệu hàng không: lớp sơn bảo vệ, độ rỉ sét, các hư hỏng (nếu có);

Kiểm tra về quang học đối với hệ thống đèn hiệu hàng không;

Kiểm tra khả năng làm việc của thiết bị hệ thống đèn hiệu hàng không: các thông số kỹ thuật phải đảm bảo nằm trong ngưỡng quy định;

Kiểm tra việc đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa chống sét tại các phòng máy điều dòng và khu vực làm việc;

Kiểm tra về điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy điều dòng, khu vực làm việc để đảm bảo các điều kiện làm việc của thiết bị: kiểm tra hoạt động của máy điều hòa, đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy, kiểm tra ánh sáng của phòng máy;

Kiểm tra đảm bảo nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

Kiểm tra việc thực hiện ghi chép sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác kiểm tra:

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị dụng cụ phục vụ công tác kiểm tra phải đầy đủ đúng thông số, chủng loại theo quy trình vận hành khai thác của thiết bị;

Thời gian thực hiện, tần suất kiểm tra tuân theo quy trình vận hành khai thác cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt.

2. Tiêu chí giám sát công tác kiểm tra hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác kiểm tra:

Kiểm tra tổng thể tình trạng kỹ thuật toàn bộ thiết bị hệ thống ILS/DME;

Kiểm tra về điện, điện tử hệ thống ILS/DME: phần điều khiển, điện áp, tình trạng dây dẫn điện, dây tiếp địa, lớp cách điện, nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng), đảm bảo duy trì nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

Kiểm tra về kết cấu cơ khí, xây dựng hệ thống ILS/DME: lớp sơn bảo vệ, độ rỉ sét, các hư hỏng (nếu có);

Kiểm tra bề mặt mặt phản xạ ăng-ten GP, LLZ;

Kiểm tra tình trạng can nhiễu của bề mặt phản xạ do cây cỏ mọc quá cao, ngập nước…;

Kiểm tra khả năng làm việc của thiết bị hệ thống ILS/DME: các thông số kỹ thuật, tham số giám sát chính của hệ thống khi hoạt động phải đảm bảo nằm trong ngưỡng quy định, các đèn báo trên mặt máy, hệ thống giám sát và điều khiển từ xa phải ở trạng thái bình thường;

Kiểm tra việc đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa chống sét;

Kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy, khu vực làm việc để đảm bảo các điều kiện làm việc của thiết bị: kiểm tra hoạt động của máy điều hòa, máy hút ẩm, đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy, kiểm tra ánh sáng của phòng máy, kiểm tra tình trạng vệ sinh;

Kiểm tra đảm bảo nguồn cung cấp điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng);

Kiểm tra việc thực hiện ghi chép sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác kiểm tra

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống ILS/DME do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị dụng cụ phục vụ công tác kiểm tra phải đầy đủ đúng thông số, chủng loại theo quy trình vận hành khai thác của thiết bị;

Thời gian thực hiện, tần suất kiểm tra tuân theo quy trình vận hành khai thác cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt.

3. Tiêu chí giám sát công tác bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác bảo dưỡng:

Bảo dưỡng định kỳ thiết bị của hệ thống đèn hiệu hàng không đảm bảo nằm trong ngưỡng quy định;

Bảo dưỡng hệ thống nguồn điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng) theo tài liệu bảo dưỡng được phê duyệt;

Bảo dưỡng hệ thống điều dòng theo tài liệu bảo dưỡng được phê duyệt;

Bảo dưỡng hệ thống tủ điều khiển theo tài liệu bảo dưỡng được phê duyệt;

Bảo dưỡng đèn hiệu hàng không: vệ sinh công nghiệp, siết chặt các điểm tiếp xúc;

Bảo dưỡng kết cấu cơ khí, xây dựng: sơn bảo dưỡng, siết chặt bu lông…;

Bảo dưỡng hệ thống tiếp đất, chống sét;

Bảo dưỡng hệ thống điều hòa, đảm bảo nhiệt độ bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất;

Công tác bảo dưỡng được ghi chép vào sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng:

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác bảo dưỡng phải đúng thông số, chủng loại theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị. Riêng thiết bị đo lường phải còn trong thời hạn kiểm định;

Thời gian thực hiện, tần suất thực hiện tuân thủ theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt;

Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng.

4. Tiêu chí giám sát công tác bảo dưỡng hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện:

a) Công tác bảo dưỡng:

Bảo dưỡng định kỳ thiết bị của hệ thống ILS/DME đảm bảo nằm trong ngưỡng quy định;

Bảo dưỡng hệ thống nguồn điện (bao gồm cả nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng) theo tài liệu bảo dưỡng được phê duyệt;

Bảo dưỡng hệ thống ILS/DME (Đài LLZ/GP/DME) theo quy trình bảo trì đã được phê duyệt: bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng chuyển mùa kỹ thuật;

Bảo dưỡng hệ thống tiếp đất, chống sét;

Bảo dưỡng hệ thống điều hòa, đảm bảo nhiệt độ bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất;

Bảo dưỡng bề mặt mặt phản xạ ăng-ten GP, LLZ;

Công tác bảo dưỡng được ghi chép vào sổ sách, biểu mẫu theo từng loại thiết bị.

b) Nhân lực, trang thiết bị, thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng:

Nhân sự phải có đầy đủ giấy phép, năng định khai thác, bảo dưỡng hệ thống ILS/DME do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc chứng nhận của hãng cung cấp thiết bị;

Trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác bảo dưỡng phải đúng thông số, chủng loại theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị trong khu bay. Riêng thiết bị đo lường phải còn trong thời hạn kiểm định;

Thời gian thực hiện, tần suất thực hiện tuân theo quy trình bảo dưỡng cho riêng từng loại thiết bị đã được phê duyệt;

Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng.

5. Trách nhiệm thực hiện công tác giám sát:

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Phụ lục 3

Tiêu chí nghiệm thu kết quả công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56./2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải)

1. Tiêu chí nghiệm thu công tác kiểm tra hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

Hạng mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (điểm tối đa)
Hệ thống đèn hiệu hàng không	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện tử và quang học, đường truyền tín hiệu, điều khiển.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần cơ khí.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	30
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy điều dòng và khu vực làm việc: đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa, chống sét, an toàn điện.	20
	Cập nhật, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu kết quả kiểm tra.	10
	Tổng điểm	**100**
Hệ thống ILS/DME	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần điện tử, đường truyền tín hiệu, điều khiển, mặt phản xạ.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra phần cơ khí.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống	30

	không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra điều kiện, môi trường làm việc của phòng máy và khu vực làm việc.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa, chống sét, an toàn điện.	20
	Cập nhật, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu kết quả kiểm tra.	10
	Tổng điểm	**100**

2. Tiêu chí nghiệm thu công tác bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

Hạng mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (điểm tối đa)
Hệ thống đèn hiệu hàng không	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần điện đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần điện tử và quang học, đường truyền tín hiệu, điều khiển đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần cơ khí đạt yêu cầu.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	30
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng đối với phòng máy, phòng làm việc nhằm đảm bảo điều kiện, môi trường làm việc, đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.	10
	Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an ninh	20

	an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa, chống sét, an toàn điện.	
	Công tác bảo dưỡng được ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu theo quy định.	10
	Tổng điểm	**100**
Hệ thống ILS/DME	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần điện đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần điện tử, đường truyền tín hiệu, điều khiển, mặt phản xạ đạt yêu cầu.	10
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng phần cơ khí đạt yêu cầu.	10
	Các thông số kỹ thuật khi hoạt động của hệ thống không thay đổi hoặc thay đổi trong giới hạn cho phép so với kết quả bay hiệu chuẩn thiết bị định kỳ đạt yêu cầu.	30
	Thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng đối với phòng máy, phòng làm việc nhằm đảm bảo điều kiện, môi trường làm việc, đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm bên trong phòng máy theo đúng tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.	10
	Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, tiếp địa, chống sét, an toàn điện.	20
	Công tác bảo dưỡng được ghi chép đầy đủ vào sổ sách, biểu mẫu theo quy định.	10
	Tổng điểm	**100**

3. Kết quả nghiệm thu công tác kiểm tra hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

Hạng mục	Tổng điểm đánh giá	Kết quả nghiệm thu
Hệ thống đèn hiệu hàng không	Từ 81 đến 100 điểm	Công tác kiểm tra đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: nghiệm thu.
	Dưới 81 điểm	Công tác kiểm tra chưa đáp ứng yêu

		cầu kỹ thuật: không nghiệm thu.
Hệ thống ILS/DME	Từ 81 đến 100 điểm	Công tác kiểm tra đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: nghiệm thu.
	Dưới 81 điểm	Công tác kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: không nghiệm thu.

Trường hợp kết quả nghiệm thu được đánh giá là "không nghiệm thu", trong vòng tối đa 10 ngày, đơn vị thực hiện bảo trì có trách nhiệm khắc phục ngay các tồn tại để được tổ chức đánh giá lại và nghiệm thu.

4. Kết quả nghiệm thu công tác bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và hệ thống ILS/DME theo chất lượng thực hiện

Hạng mục	Tổng điểm đánh giá	Kết quả nghiệm thu
Hệ thống đèn hiệu hàng không	Từ 81 đến 100 điểm	Công tác bảo dưỡng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: nghiệm thu.
	Dưới 81 điểm	Công tác bảo dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: không nghiệm thu.
Hệ thống ILS/DME	Từ 81 đến 100 điểm	Công tác bảo dưỡng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: nghiệm thu.
	Dưới 81 điểm	Công tác bảo dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: không nghiệm thu.

Trường hợp kết quả nghiệm thu được đánh giá là "không nghiệm thu", trong vòng tối đa 10 ngày, đơn vị thực hiện bảo trì có trách nhiệm khắc phục ngay các tồn tại để được tổ chức đánh giá lại và nghiệm thu.

5. Trách nhiệm thực hiện công tác nghiệm thu

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.